

Những vấn đề cần quan tâm trong đàm phán và thực thi hiệp định TPP

PGS.TS.Đinh Trọng Thịnh *

Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (Tiếng Anh: Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - viết tắt TPP) là một Hiệp định thương mại tự do với mục đích hội nhập các nền kinh tế thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hiệp định ban đầu được Tổng thống Chile Ricardo Lagos đề xuất tại cuộc họp các nhà lãnh đạo APEC diễn ra tại Los Cabos, Mexico năm 2002, và được 4 nước Brunei, Chile, New Zealand và Singapore đàm phán ký kết ngày 3/6/2005, có hiệu lực ngày 28/5/2006. Đây là một thỏa thuận toàn diện bao quát tất cả các khía cạnh chính của một hiệp định thương mại tự do, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, các vấn đề về xuất xứ hàng hóa, rào cản kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, các lĩnh vực về môi trường và xã hội... Đồng thời, đây là một Hiệp định mở, cho phép các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương tham gia đàm phán để gia nhập Hiệp định.

Với sức thu hút rất lớn, đặc biệt, sau khi Hoa Kỳ tuyên bố tham gia đàm phán (2/2008), đến nay đã có thêm Australia, Peru, Vietnam (11/2008), Malaysia (10/2010), Mexico, Canada (10/2012), Nhật Bản (7/2013) tham gia đàm phán gia nhập TPP. Với dân số gần 800 triệu người, chiếm hơn 40% GDP toàn thế giới và hơn 1/3 kim ngạch thương mại toàn cầu, sự hội nhập TPP của 12 nước APEC và hướng tới hình thành Khu vực thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương đang được kỳ vọng sẽ là động lực mới cho sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Với sự tham gia tích cực của Hoa Kỳ, TPP được coi là Hiệp định thương mại tự do của thế kỷ XXI bởi phạm vi rộng lớn và mức độ cam kết sâu: TPP có thể được mở rộng cho các thành viên APEC, thậm chí ngoài khu vực châu Á - Thái Bình Dương; TPP yêu cầu mở cửa thị trường toàn diện, cắt giảm gần như toàn bộ 100% thuế quan, phạm vi đàm phán để điều

chỉnh của TPP rất rộng lớn, gồm 22 lĩnh vực khác nhau của các nền kinh tế. Những lĩnh vực đàm phán đang được chú trọng là dịch vụ tài chính, đầu tư, lao động, sở hữu trí tuệ... và thậm chí cả các vấn đề về môi trường, quyền của các hiệp hội người lao động... cũng được đưa ra đàm phán trong TPP.

Đối với Việt Nam, theo các chuyên gia quốc tế đánh giá là Hiệp định sẽ mang lại hơn 10% tăng trưởng GDP và khoảng vài triệu việc làm tăng thêm trong thời gian khoảng 5 năm. Tuy nhiên, để TPP thực sự đem lại lợi ích cho nền kinh tế Việt Nam, trong đàm phán cũng như trong quá trình chuẩn bị thực hiện TPP, cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

- Về vấn đề mở cửa thị trường và ưu tiên bảo hộ: Mỗi quốc gia thành viên đều có những mục tiêu kỳ vọng khác nhau và những vấn đề ưu tiên bảo hộ khác nhau khi tham gia

đàm phán TPP. Là nước chủ chốt trong đàm phán TPP, tham vọng của Mỹ là muốn tăng xuất khẩu vào khu vực các nước tham gia TPP lên gấp đôi, tạo tăng trưởng GDP thêm khoảng 3% - 5% và tạo ra 2 triệu việc làm cho người dân Mỹ trong vòng 5 năm tới. Mỹ tập trung ưu tiên bảo hộ khu vực "dễ bị tổn thương" bao gồm các sản phẩm nông sản và khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ (2 lĩnh vực tạo ra phần lớn việc làm tại Mỹ). Đây là những lĩnh vực các nước khác mong muốn thâm nhập và có khả năng cạnh tranh với Mỹ. Vì vậy, các bên tham gia TPP như New Zealand, Australia và Nhật Bản chắc chắn sẽ không dễ dàng đạt được thỏa thuận với Mỹ về vấn đề này. Đối với Nhật Bản, cũng như nhiều nước tham gia TPP, mục tiêu tìm kiếm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, tìm kiếm nguồn nguyên liệu giá rẻ với các nước trong TPP và với

* Học viện Tài chính

Mỹ là những lợi ích cơ bản. Ngoài ra, Nhật Bản còn quan tâm đến vấn đề sở hữu trí tuệ và việc mở cửa thị trường xuất khẩu ô tô với các nước TPP. Nhưng Nhật Bản cũng gặp khó khăn với việc duy trì mức độ bảo hộ cao cho sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm nông sản, đặc biệt là ngành sản xuất ngũ cốc (thuế nhập khẩu gạo của Nhật Bản đang là 778%). Ngoài các mục tiêu chung, Canada quan tâm nhiều hơn đến đàm phán về mua sắm công nhằm khắc phục sự lệ thuộc vào hàng hóa của Mỹ. Canada cũng phải hạ thấp dần chính sách bảo hộ với ngành bò sữa và thịt gia cầm, mặc dù gặp sự phản đối gay gắt từ nông dân.

- Đối với thương mại hàng hóa: Vấn đề cốt lõi trong đàm phán mở cửa thương mại hàng hóa là đàm phán thuế xuất nhập khẩu. Các đối tác TPP yêu cầu bãi bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực, trừ một tỷ lệ rất nhỏ nhóm các mặt hàng có thể có lộ trình 3 - 5 năm, một số rất ít có thể có lộ trình đến 10 năm, không phân biệt đó là đối tác đã phát triển hay đang phát triển; Đồng thời, xóa bỏ ngay các điều kiện tiếp cận thị trường và các hạn chế phi thuế quan cho các hàng hóa của các thành viên TPP.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu: Đây là một vấn đề lớn đối với sản xuất và thị trường trong nước. Mặc dù Việt Nam đã tham gia một số FTA với một số thành viên TPP và đã tham gia WTO, nhưng mức độ mở cửa vẫn hạn chế và thuế vẫn được dùng như

một công cụ điều tiết và bảo hộ nền sản xuất trong nước. Khi thực hiện Hiệp định TPP, nhiều doanh nghiệp sản xuất và nhiều mặt hàng trong nước sẽ bị các mặt hàng nhập khẩu của các doanh nghiệp thành viên trong TPP - có nguồn lực tài chính dồi dào, có công nghệ vượt trội - cạnh tranh khốc liệt, có tác động tiêu cực cả trước mắt và trong thời gian trung và dài hạn. Hơn nữa, với mức thuế quan bình quân sau khi gia nhập WTO là 11,7% như hiện nay, việc bãi bỏ ngay thuế quan cho các hàng hóa nhập khẩu của các đối tác TPP sẽ có tác động tới nguồn thu của NSNN và kế hoạch phát triển các ngành nghề và lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế. Tuy nhiên, việc mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ các nước TPP sẽ tạo cho môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao hơn, người tiêu dùng được sử dụng các hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao hơn, giá cả rẻ hơn; các doanh nghiệp trong nước có khả năng và sự đòi hỏi phải tiếp cận với các máy móc, thiết bị hiện đại, công nghệ cao, các phương pháp quản lý tiên tiến, hiệu quả và nguồn nguyên, vật liệu phong phú, đảm bảo chất lượng với giá cả phù hợp cho sản xuất hàng hóa. Đồng thời, việc dỡ bỏ hàng rào thuế quan sẽ là động lực để nhiều nhà đầu tư quốc tế tăng cường đầu tư vào Việt Nam nhằm hưởng các ưu đãi của thành viên TPP, tạo sức mạnh tăng trưởng kinh tế và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động Việt Nam.

+ Đối với hàng hóa xuất

khẩu: Việc bãi bỏ thuế nhập khẩu của các đối tác TPP được kỳ vọng sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường các nước đối tác TPP, đặc biệt là những thị trường lớn như thị trường Mỹ và khu vực Bắc Mỹ (Canada, Mexico) và cả ở Nhật Bản, Australia, từ đó đẩy mạnh xuất khẩu những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Mặc dù, trong thực tế, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đang được hưởng thuế suất thấp (0-5%) đối với hàng hóa xuất khẩu của các nước đang phát triển trong WTO và trong các FTA riêng rẽ với các nước. Vấn đề hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có thực sự được đẩy mạnh và được hưởng các ưu đãi hay không còn phụ thuộc vào những vấn đề mà các đối tác đang phát triển trong TPP đã đưa ra trong đàm phán, nhưng chưa được các nước phát triển như Mỹ, Canada, Nhật Bản, Australia lưu tâm. Trước hết, để được hưởng các ưu đãi về thuế, hàng hóa xuất khẩu phải có xuất xứ TPP. Đây là một khó khăn cho các nước đang phát triển, vì nền sản xuất chưa phát triển đồng bộ, phải nhập nguyên vật liệu, bán thành phẩm từ các quốc gia khác, thậm chí bên ngoài TPP như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ... để sản xuất hàng hóa đảm bảo chất lượng xuất khẩu. Trong thực tế, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam có hàm lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm có xuất xứ ngoài TPP khá cao như dệt may, da giày, đồ gỗ gia dụng... Thứ

hai, đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và các nước đang phát triển là nông sản, thực phẩm, ngũ cốc... thì các vấn đề cam kết sâu hơn về rào cản kỹ thuật (TBT) hay kiểm dịch động thực vật và vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS) đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước phát triển đang là một thách thức lớn và là chướng ngại vật cho hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường các nước phát triển. Các thành viên TPP trong quá trình đàm phán chỉ xoay quanh vấn đề hợp tác để xử lý vướng mắc về kết quả kiểm tra SPS nhằm rút ngắn thời gian xử lý khiếu nại, chứ không đã động đến những cam kết ràng buộc và hạn chế quyền tự do, độc đoán của các nước TPP trong việc ban hành các quy định biện pháp TBT hay SPS. Thứ ba, các yêu cầu về môi trường, lao động, đầu tư... đối với hàng hóa xuất khẩu trong TPP như điều khoản về chặn và buộc trả lại toàn bộ hàng hóa xuất khẩu có sử dụng lao động trẻ em tại biên giới, hay các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất đang gây khó khăn cho một nền sản xuất nhỏ, kinh tế hộ gia đình và các làng nghề thủ công với sự tham gia của trẻ em nông thôn như Việt Nam trong việc thỏa mãn các điều kiện xuất khẩu hàng hóa vào TPP. Liên quan đến vấn đề lao động, Việt Nam có thể cam kết thúc đẩy việc áp dụng các quyền lao động cơ bản theo quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) hay các quy định về lao động của hiệp định

P4 để đảm bảo mức độ phù hợp với khả năng của nền kinh tế.

- Đối với thương mại dịch vụ: Các điều kiện tiếp cận thị trường dần được xóa bỏ, các cam kết sâu hơn theo phương thức “chọn bỏ” (negative list) cho các dịch vụ vận tải, du lịch, nhượng quyền, hỗ trợ kinh doanh, viễn thông, giáo dục và đặc biệt là các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm chứng khoán đang là bài toán khó với các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, nơi các dịch vụ này chưa phát triển đầy đủ. Phương thức “chọn bỏ” liệt kê các nội dung bảo lưu trong danh mục các biện pháp không tương thích (viết tắt là danh mục NCM); các nội dung không liệt kê trong danh mục này được hiểu là cam kết thực hiện. Phương thức tiếp cận này thường chỉ áp dụng đối với các nước phát triển đã có mức độ mở cửa thị trường cao và có hệ thống pháp luật trong nước ổn định. Đối với Việt Nam, việc liệt kê các nội dung bảo lưu không thực thi trong danh mục NCM được cho là thách thức lớn trong quá trình đàm phán để đảm bảo không bị thiếu sót dẫn đến việc mở cửa thị trường vượt quá khả năng quản lý cũng như khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, trong đàm phán, các nước còn đặt ra các yêu cầu cam kết cụ thể về mở cửa thị trường và bảo hộ đầu tư đối với một số loại hình dịch vụ tài chính mới mà Việt Nam chưa có trên thị trường tài chính trong nước như mô hình bảo hiểm do các công ty bưu điện cung cấp,

bảo hiểm hợp tác xã, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư qua biên giới... đang là khó khăn đối với Việt Nam. Việc tính toán, xem xét các cam kết ở những lĩnh vực mà trong nước chưa phát triển có thể tạo ra những bất cập trong tương lai cho các dịch vụ này. Hơn nữa, các doanh nghiệp dịch vụ của các nước phát triển có thể sẽ không chế sự tăng trưởng các dịch vụ này tại các nước đang phát triển khi các điều kiện thành lập các doanh nghiệp nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ không bị hạn chế. Tuy nhiên, sự tham gia mạnh mẽ và tự do hơn của các nhà cung cấp có tiềm lực vốn lớn, nhân lực có trình độ cao, có kinh nghiệm lâu năm, có ưu thế về dịch vụ từ các nước TPP có thể mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam tiếp cận với các sản phẩm dịch vụ tài chính có chất lượng với giá cả hợp lý.

- Đối với lĩnh vực đầu tư: Vấn đề mở cửa đầu tư và bảo hộ đầu tư sẽ giúp các nước đang phát triển như Việt Nam thu hút được dòng vốn đầu tư lớn từ các quốc gia TPP để tạo đà tăng trưởng với chất lượng công nghệ sản xuất cao. Đồng thời, các cam kết trong lĩnh vực này có thể cũng sẽ thúc đẩy dòng đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ. Tuy nhiên, các điều khoản bổ sung thêm các nghĩa vụ liên quan đến bảo hộ đầu tư như cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước tiếp nhận đầu tư (ISDS), nguyên tắc đối xử tối thiểu (MST), các doanh nghiệp

nước ngoài được trao quyền kiện trực tiếp chính phủ một nước ra tòa án nước ngoài thay vì tòa án và luật pháp nước sở tại. Các doanh nghiệp nước ngoài cũng có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các quy định của pháp luật nội địa về quyền sử dụng đất, môi trường, sức khỏe, tài chính và các lĩnh vực khác mà họ cho là có các vi phạm các đặc quyền của doanh nghiệp. Điều này có thể sẽ gây nên những khó khăn trong việc kiểm soát và điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Theo nghiên cứu của tổ chức xã hội Public Citizen (Mỹ), chính phủ các nước - đặc biệt là các nước đang phát triển, nơi mức độ mở cửa thị trường chưa cao và luật pháp trong nước chưa phát triển ổn định - sẽ có nguy cơ phải đối mặt với “vô vàn các vụ kiện” bởi các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các nước phát triển. Đơn cử: năm 2010, Tập đoàn Renco Group Inc (Mỹ) đã kiện Chính phủ Peru và đòi bồi thường 800 triệu USD vì đã từ chối gia hạn lần 3 cho nhà đầu tư này để hoàn thành dự án nhà máy Sulphua... Đáng chú ý, 70% các vụ kiện hiện nay đều liên quan đến chính sách môi trường, khai thác khoáng sản, xã hội và sức khỏe của người dân. Như vậy, các nhà đầu tư nước ngoài có thể gây sức ép tới các chính phủ khi ban hành hoặc thực thi các chính sách để bảo vệ người tiêu dùng và người dân trong nước. Vì vậy, trong đàm phán, cần từ chối quy định về quan điểm giải quyết tranh chấp

giữa nhà nước với nhà đầu tư mà thay vào đó là cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước với nhà nước. Đồng thời, cần đưa ra các điều kiện loại trừ nếu nhà nước tiếp nhận đầu tư điều chỉnh chính sách trong các trường hợp cần thiết như đối phó với khủng hoảng, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, hay bảo vệ xã hội và sức khỏe người dân...

- Về quyền sở hữu trí tuệ: Việc Hoa Kỳ đã đề xuất các điều khoản để tăng cường mức độ và thời hạn bảo hộ bản quyền sáng chế, đề xuất bảo hộ chỉ dẫn địa lý đang làm cho nguy cơ tăng chi phí ở rất nhiều nhóm sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp trong TPP, từ các phát minh, bản quyền sáng chế, mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp, thuốc chữa bệnh, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, thuốc thú y... Nếu điều này được thực hiện thì nhóm người nắm giữ tác quyền tại Mỹ - Những người nắm giữ 40% tổng số tác quyền trên thế giới (với thu nhập hàng năm khoảng trên 100 tỷ USD, nhiều hơn tổng lợi nhuận của 3 ngành hàng có thặng dư thương mại lớn nhất hiện nay của Mỹ là máy bay, ngũ cốc và dịch vụ) sẽ là người được lợi nhiều nhất. Việt Nam và các nước đang và chậm phát triển sẽ phải chi phí cao hơn cho các hoạt động sử dụng các quyền này trong sản xuất và kinh doanh, hoặc phải đầu tư nghiên cứu rất đắt đỏ. Việc áp dụng bảo hộ chỉ dẫn địa lý (các loại tên gọi sản vật hàng hóa gắn với khu vực địa lý nhất định) như bảo hộ thương hiệu sẽ làm tăng chi phí xuất khẩu hàng

hóa, đặc biệt là nông sản ở các quốc gia TPP. Liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, Việt Nam chỉ nên chấp nhận các quy định về sở hữu trí tuệ linh hoạt theo TRIPS, hoặc các quy định mức bảo hộ thấp hơn so với mức bảo hộ cao như TRIPS+ hoặc theo hướng áp dụng quy định bảo hộ cao với các nước phát triển và mức độ thấp hơn với các nước đang phát triển.

- Về vấn đề mua sắm công: Mức độ mở cửa trong TPP sẽ tương ứng với các nội dung trong Hiệp định về mua sắm công trong WTO. Đây sẽ là cơ hội cho việc minh bạch hóa và đảm bảo hiệu quả trong mua sắm công. Tuy nhiên, với việc đấu thầu quốc tế công khai trong mua sắm công, cơ hội thắng thầu của các doanh nghiệp Việt Nam là rất ít. Đây sẽ là vấn đề lớn, ảnh hưởng tới lượng việc làm và việc nâng cao dần năng lực của các nhà thầu Việt Nam khi nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển mạng lưới giao thông cùng những nhu cầu đầu tư công cực kỳ lớn ở Việt Nam trong thời gian tới.

Tham gia Hiệp định TPP sẽ là cơ hội rất lớn cho nền kinh tế Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam. Nhưng nếu trong đàm phán và trong quá trình chuẩn bị thực thi Hiệp định, các nhà đàm phán và các doanh nghiệp không tích cực trao đổi, tham vấn, kịp thời đưa ra những yếu tố tác động đến từng ngành nghề, từng lĩnh vực thì các lợi ích kỳ vọng có thể không như mong muốn. Thêm vào đó, các điều khoản trong Hiệp định có thể trở thành

những vật cản đối với tăng trưởng và phát triển nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Là những người trực tiếp thụ hưởng các tác động tích cực và trực tiếp gánh chịu các tác động tiêu cực khi Việt Nam tham gia TPP, các doanh nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội ngành nghề cần tích cực, chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh, sẵn sàng tận dụng các cơ hội mà TPP đem lại để tăng trưởng và mở rộng sản xuất; phòng ngừa các tác động tiêu cực và sẵn sàng đổi mới để cạnh tranh trong môi trường kinh doanh mới khốc liệt hơn. Đồng thời, các doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề cũng cần chủ động rà soát, xem xét một cách

toàn diện các tác động của việc tham gia TPP đối với từng doanh nghiệp, từng ngành nghề, nhóm ngành nghề để truyền đạt nguyện vọng của các doanh nghiệp đến các nhà đàm phán nhằm đưa ra thương lượng với các đối tác để có được kết quả đàm phán phù hợp với từng ngành nghề, vì lợi ích của các doanh nghiệp, lợi ích người nông dân và lợi ích người kinh doanh; đảm bảo quá trình thực thi TPP mang lại những hiệu quả mà các nhà hoạch định chính sách và các doanh nghiệp, người nông dân và người kinh doanh kỳ vọng./.

Tài liệu tham khảo

Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam - VCCI, Ủy ban tư vấn về chính sách thương mại quốc tế: Bản dự thảo số 1 và số 2 khuyến nghị chính sách của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam về đàm phán Hiệp định TPP

Toàn văn Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương bằng tiếng Anh tại <http://www.w.mfat.govt.nz/downloads/trade-agreement/transpacific/main-agreement.pdf>;

Quản lý tài chính trong các trường Đại học ...

(Tiếp theo trang 13)

giáo dục Đại học. Đồng thời cơ chế quản lý phải đảm bảo phát huy trí tuệ của đội ngũ giảng viên và nhà khoa học ở các trường đại học công lập. Bởi vì hiện nay do cơ chế tài chính chưa thích hợp, nguồn thu nhập có được từ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại nơi làm việc chính là các cơ sở giáo dục đại học công lập không đáp ứng tốt yêu cầu cuộc sống và điều kiện nghiên cứu, nên một số giảng viên và nhà khoa học phải tham gia giảng dạy thêm cho các trường tư thục, dân lập; thậm chí có một số chuyên đi khỏi cơ sở giáo dục sang làm việc ở các doanh nghiệp và các tổ chức khác để có thu nhập cao đảm bảo cuộc sống. Điều này

cho thấy chúng ta đang lãng phí một nguồn lực quan trọng phục vụ cho sự phát triển của sự nghiệp giáo dục, như vậy đòi hỏi cơ chế tài chính đối với các trường đại học công lập phải đảm bảo nguồn thu nhập chính đáng có được từ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học trong các trường công lập ở mức trung bình khá trong xã hội để họ yên tâm cống hiến sức lực và trí tuệ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cơ chế tài chính phải tạo điều kiện làm việc thuận lợi để các nhà khoa học và giảng viên có thể nghiên cứu sáng tạo. Từ đó mới phát huy được tính sáng tạo

của các nhà khoa học và giảng viên đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục Đại học trong điều kiện hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Đề án đổi mới cơ chế tài chính giáo dục giai đoạn 2009 - 2010. (Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chiến lược giáo dục Việt Nam 2009 - 2020

Quyết định số 43/2007/QĐ - Bộ GD và Đào tạo

Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006

Quy chế chi tiêu nội bộ của một số trường Đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội và tỉnh Hải Dương